

Số: 08/2026/QĐST - LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: ông Lê Văn Đường

Thư ký phiên họp: ông Võ Minh Tiễn

Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: bà Hồ Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại : Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 27/2025/TLST - LĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc “yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 64/2026/QĐST - LĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 36/2026/QĐST - LĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Hoàng Thị H, sinh ngày 19 tháng 01 năm 1987, căn cước công dân số ****70, cấp ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật xã hội, địa chỉ thường trú: ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH L, địa chỉ: Lô S, Khu Công nghiệp T, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Lộc Thị M, sinh năm: 1987, địa chỉ thường trú: thôn C, xã G, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự vắng mặt, riêng bà Hoàng Thị H đã có đơn đề nghị giải quyết việc dân sự vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 14 tháng 10 năm 2025, bà Hoàng Thị H trình bày: vào năm 2008, do hoàn cảnh gia đình khó khăn và

chưa đủ tuổi đi làm nên bà Lộc Thị M đã mượn chứng minh nhân dân (hồ sơ cá nhân) của bà để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH L. Sau đó hai bên có giao kết hợp đồng lao động, mã số bảo hiểm: ****226409, thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2008.

Cùng năm 2008, bà Hoàng Thị H đã ký hợp đồng lao động và thực tế làm việc tại Công ty TNHH D. Mã số bảo hiểm xã hội ****254407, thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2008.

Đến tháng 12 năm 2023, bà Hoàng Thị H làm thủ tục rút bảo hiểm xã hội một lần thì phát mã số bảo hiểm xã hội ****226409 có thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2028.

Đây là thời gian bà Lộc Thị M mượn chứng minh nhân dân (hồ sơ cá nhân) của bà Hoàng Thị H để làm việc tại Công ty TNHH L. Do đó Bảo hiểm xã hội không giải quyết cho bà Hoàng Thị H rút Bảo hiểm xã hội một lần.

Nay bà Hoàng Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà (do bà Lộc Thị M thực hiện) với Công ty TNHH L từ tháng đến tháng 6 năm 2008 là vô hiệu và không yêu cầu xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu để bà đủ điều kiện rút Bảo hiểm xã hội một lần.

Tại Văn bản số 070/BHXHXNQT, ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Bảo hiểm Xã hội huyện Bình Chánh (nay là cơ sở Tân Nhựt), Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung:

Bà Hoàng Thị H, sinh ngày 19 tháng 01 năm 1987, số căn cước công dân ****7003070 có hai mã số Bảo hiểm xã hội như sau:

+ Mã số sổ là ****8254407 có quá trình tham gia từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2008 tại Công ty TNHH D do Bảo hiểm xã hội huyện Bình Chánh (nay là cơ sở Tân Nhựt), Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

+ Mã số sổ là 790826409 có quá trình tham gia từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 9 năm 2022 tại Công ty TNHH L do Bảo hiểm xã hội quận Bình Tân (nay là cơ sở An Lạc), Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý việc dân sự cho tới thời điểm mở phiên họp, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền. Thẩm phán tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật; Thư ký phiên họp tuân thủ đúng pháp luật; người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Hoàng Thị H về việc tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà (do bà Lộc Thị M thực hiện) với Công ty TNHH L từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2008.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Bà Hoàng Thị H có đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà (do bà Lộc Thị M) với Công ty TNHH L từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2008 là vô hiệu và không yêu cầu xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu.

Nơi giao kết và thực hiện hợp đồng lao động tại Công ty TNHH L.

Đây là việc dân sự yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35 và điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025 thì việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.1] Bà Hoàng Thị H có đơn đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết việc dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự có tên trên.

[2] Xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Hoàng Thị H (do bà Lộc Thị M thực hiện) với Công ty TNHH L từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 6 năm 2008 là vô hiệu vì bà Hoàng Thị H đã cho bà Lộc Thị M mượn hồ sơ cá nhân (chứng minh nhân dân) để giao kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm xã hội trên mã số ****226409 từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2008, tại Công ty TNHH L nhưng thực tế bà Hoàng Thị H đang làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội theo mã số ****8254407 từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2008 tại Công ty TNHH D.

Sau khi nghỉ việc thì bà Hoàng Thị H không được giải quyết rút Bảo hiểm xã hội một lần do thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội như đã nhận định trên.

Việc tham bảo hiểm xã hội với thời gian trên của bà Hoàng Thị H cũng đã được Bảo hiểm xã hội cơ sở An Lạc, cơ sở Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019 quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: “tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực”.

Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động được quy định tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012 thì: “người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”.

Căn cứ khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: “người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”.

Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012 thì: “người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền” và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019 thì: “người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này”.

Căn cứ vào Công văn số 1767/LĐTBXH - BHXH, ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì: “...trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động. Đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...”.

Việc bà Lộc Thị M mượn hồ sơ cá nhân (chứng minh nhân dân) của bà Hoàng Thị H để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội trên mã số ****226409 từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2008, tại Công ty TNHH L là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động. Đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

Từ những nhận định trên, đối với yêu cầu của bà Hoàng Thị H về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà (do bà Lộc Thị M thực hiện) với Công ty TNHH L trên mã số ****226409 từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2008 là vô hiệu và không yêu cầu xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu là có căn cứ, phù hợp với quy

định của pháp luật nên chấp nhận như phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: bà Hoàng Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo, kháng nghị: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 146, Điều 149, Điều 361, Điều 366, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50, Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, Điều 49, Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ vào Luật Bảo hiểm Xã hội năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2018, năm 2020 và năm 2022);

- Căn cứ vào Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Hoàng Thị H.

1.1. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Hoàng Thị H (do bà Lộc Thị M thực hiện) với Công ty TNHH L trên mã số ****226409 từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2008 là vô hiệu.

1.2. Bà Hoàng Thị H, bà Lộc Thị M được liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để điều chỉnh thông tin cá nhân, mã số tham gia bảo hiểm xã hội, giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: bà Hoàng Thị H phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Số tiền trên được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn)

đồng là tiền tạm ứng lệ phí mà bà Huế đã nộp (theo hình thức chuyển khoản) theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số 0035862, ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Hoàng Thị H đã nộp xong tiền lệ phí Tòa án sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2018, năm 2020 và năm 2022).

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9 - Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Đường